

PHỤ LỤC 1

I. Chương VII-ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ HỢP ĐỒNG:

E-ĐKC 5.2	- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Nhà thầu cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng trước khi hợp đồng có hiệu lực, theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải là bảo đảm không có điều kiện, không hủy ngang (theo Mẫu số 15 Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng). - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 03% giá hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên bán hoàn tất thời gian cho thuê dịch vụ. - Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này. - Trường hợp Bên B là nhà thầu là liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 03% giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện. - Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 03% giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp. - Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho các trường hợp sau: • Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực. • Bên B vi phạm thỏa thuận hợp đồng.
------------------	--

	• Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng. • Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng. - Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. - Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. - Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng. - Bản sao của Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được sao y bởi Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng phát hành hoặc sao y bản chính còn hiệu lực
E-ĐKC 13.1	Phương thức thanh toán: - Hình thức thanh toán: chuyển khoản - Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam. - Thời hạn thanh toán: ✓ Đối với hạng mục Thuê kênh truyền phục vụ cho công tác thu thập công tơ đo xa qua modem: + Chu kỳ thanh toán sau mỗi 03 tháng tính từ thời điểm nghiệm thu đưa vào sử dụng, giá trị thanh toán bằng tổng giá trị 04 hạng mục thuê tương ứng với thời gian vận hành thực tế trong kỳ. Hồ sơ thanh toán: ❖ Đợt 1: + Văn bản yêu cầu thanh toán của Bên B; + Bảo lãnh thực hiện hợp đồng; + Hóa đơn GTGT do Bên B lập; + Biên bản nghiệm thu vận hành thử hệ thống; + Biên bản giao nhận thiết bị, hạ tầng thuê giữa Bên A và Bên B;

	+ Biên bản xác nhận khối lượng công việc ❖ Đợt 2, đợt 3: + Văn bản yêu cầu thanh toán của Bên B; + Hóa đơn GTGT do Bên B lập; + Biên bản xác nhận khối lượng công việc. ❖ Đợt 4: + Văn bản yêu cầu thanh toán của Bên B; + Hóa đơn GTGT do Bên B lập; + Biên bản xác nhận khối lượng công việc. + Biên bản nghiệm hu hợp đồng. ✓ Đối với dịch vụ cấu hình giải pháp APN: + Văn bản yêu cầu thanh toán của Bên B; + Hóa đơn GTGT do Bên B lập; + Biên bản giao nhận thiết bị, hạ tầng thuê giữa Bên A và Bên B; + Biên bản xác nhận khối lượng công việc. ✓ Đối với dịch vụ cấu hình SIM: ❖ Đợt 1: 60% giá trị tương ứng 60% danh mục SIM bàn giao. + Văn bản yêu cầu thanh toán của Bên B; + Hóa đơn GTGT do Bên B lập; + Biên bản xác nhận khối lượng công việc. ❖ Đợt 2: 20% giá trị tương ứng 90% danh mục SIM bàn giao. + Văn bản yêu cầu thanh toán của Bên B; + Hóa đơn GTGT do Bên B lập; + Biên bản xác nhận khối lượng công việc. ❖ Đợt 3: 10% giá trị tương ứng 100% danh mục SIM bàn giao. + Văn bản yêu cầu thanh toán của Bên B; + Hóa đơn GTGT do Bên B lập; + Biên bản xác nhận khối lượng công việc.
--	--

	❖ Đợt 4: 10% giá trị còn lại sau 12 tháng vận hành ổn định kể từ ngày nghiệm thu hệ thống đưa vào sử dụng. + Văn bản yêu cầu thanh toán của Bên B; + Hóa đơn GTGT do Bên B lập; + Biên bản xác nhận khối lượng công việc. ✓ Đối với dịch vụ hướng dẫn sử dụng giải pháp APN: + Văn bản yêu cầu thanh toán của Bên B; + Hóa đơn GTGT do Bên B lập; + Biên bản xác nhận đào tạo và chuyển giao công nghệ. + Phiếu điểm danh.
--	--